

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2021/HC-PT

Ngày: 26/3/2021

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Phụng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Hoàng Hữu Thanh
2. Bà Lê Thị Thương Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Sương - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
34/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính hành chính”.

Do Bản án hành chính số 01/2020/HC-ST ngày 21 tháng 09 năm 2020
của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 791/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng
02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: 17 ấp 3, Đường L, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Gia K, sinh năm 1987 (có
mặt).

Địa chỉ: 17 ấp 3, Đường L, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đỗ
Duy H - thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Địa chỉ: 1414 Đường L, ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T - người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung vụ án, bản án sơ thẩm:

Người khởi kiện Bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, cụ thể: Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, Báo Tuổi trẻ, Báo Người cao tuổi trong 7 kỳ liên tiếp, Báo điện tử Báo Mới trong 7 kỳ liên tiếp; tổ chức xin lỗi công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P; xin lỗi công khai trên Đài truyền thanh huyện B trong 7 kỳ liên tiếp. Đồng thời yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P phải bồi thường thiệt hại số tiền là 181.368.000 đồng (một trăm tám mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng). Với những lý do sau:

- Không giao Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 đúng thời gian quy định, cụ thể quyết định ban hành ngày 16/11/2018 nhưng đến ngày 15/8/2019 bà T mới nhận được.

- Ban hành quyết định không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính; khoản 3 Điều 76 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 quy định về xử phạt hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở; điểm đ khoản 1 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Tổ chức cưỡng chế sai pháp luật gây thiệt hại đến tài sản của công dân. Cụ thể, ngày 29/11/2019, bà T tiếp tục nhận được Thông báo số 157/TB-UBND của Ủy ban nhân dân xã P về việc tổ chức cưỡng chế, trong đó yêu cầu gia đình bà tự tháo dỡ trước 26/12/2019 và gia đình bà đã thực hiện vào buổi sáng ngày 26/12/2019. Tuy nhiên, đến ngày 26/12/2019, Ủy ban nhân dân xã P vẫn tiến hành cưỡng chế đập phá toàn bộ nhà ở và tài sản của gia đình bà T.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, do Ông Nguyễn Thanh P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/11/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 512/QĐCC-UBND về việc cưỡng chế khắc phục hậu quả.

Ngày 15/8/2019 Ủy ban nhân dân xã P đã tiếp xúc, vận động bà T tháo dỡ công trình vi phạm nhưng bà T vẫn không thực hiện.

Ngày 29/11/2019 Ủy ban nhân dân xã P ban hành Kế hoạch số 196/KH-UBND để xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với bà T.

Ngày 17/12/2019 Ủy ban nhân dân xã P tiếp tục tiếp xúc, vận động bà T tháo dỡ công trình vi phạm. Qua vận động, bà T cam kết cam kết tự tháo dỡ trước ngày 26/12/2019.

Đến ngày 26/12/2019, bà T vẫn chưa thực hiện đầy đủ việc tự tháo dỡ (chỉ tháo dỡ một phần tường) nên Ủy ban nhân dân xã P phải tổ chức tháo dỡ theo kế hoạch.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện B tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T về việc hủy Quyết định hành chính số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P, huyện B; yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và bồi thường thiệt hại số tiền là 181.368.000 đ (một trăm tám mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/10/2020, đại diện người khởi kiện Bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà T là không đúng, không áp dụng đúng pháp luật khi giải quyết vụ án và không xem xét, đánh giá đúng, đầy đủ và khách quan các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy Quyết định hành chính số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; yêu cầu Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P, huyện B xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và bồi thường thiệt hại số tiền là 181.368.000 đồng (một trăm tám mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện Bà Nguyễn Thị T có Bà Phan Thị Gia K là người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Đồng thời, bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 351/QĐ-XPVPHC ngày 13/7/2018 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đỗ Duy H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, hủy Quyết định số 351/QĐ-XPVPHC ngày 13/7/2018 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Với các lý do sau:

Tòa án cấp sơ thẩm đã sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi chỉ căn cứ

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 mà không áp dụng pháp luật chuyên ngành là Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai. Cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân xã P ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả “buộc tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng không phép”, nhưng theo Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014, không có quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã được áp dụng biện pháp này mà chỉ được áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “buộc khôi phục lại tình trạng của đất”.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét, đánh giá đúng, đầy đủ và khách quan các tài liệu chứng cứ đối với vi phạm trình tự thủ tục thực hiện cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân xã P, cụ thể, đã không thực hiện tổng đạt cho bà T Quyết định số 351/QĐ-XPVPHC ngày 13/7/2018 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ủy ban nhân xã P cung cấp vận đơn ngày 23/7/2018 và cho rằng đã gửi quyết định cho bà T, nhưng vận đơn không thể hiện gửi tài liệu gì và cũng không thể hiện người nhận là ai. Do bà T không biết, không nhận quyết định xử phạt nên người khởi kiện không thể chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng như quyết định cưỡng chế. Hơn nữa, người vi phạm đã tự nguyện tháo dỡ công trình vi phạm, trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân xã P phải dừng việc cưỡng chế, tuy nhiên Ủy ban nhân xã P vẫn thực hiện cưỡng chế là trái pháp luật.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện B có Ông Nguyễn Thanh P là đại diện theo ủy quyền đề nghị bác kháng cáo của Bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, Thẩm phán Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị T:

Nhận thấy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 là đúng quy định của pháp luật, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ và hợp pháp. Vì thế, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Bà Nguyễn Thị T, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thấy:

Về thủ tục tố tụng: Đơn yêu cầu kháng cáo của đại diện người khởi kiện làm trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Người khởi kiện Bà Nguyễn Thị T kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, hủy quyết định hành chính số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P, huyện B; yêu cầu Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P, huyện B xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và bồi thường thiệt hại số tiền là 181.368.000 đ (một trăm tám mươi một triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Ngày 13/7/2018, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 351/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với Bà Nguyễn Thị T do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép với diện tích chuyển mục đích vi phạm: 129m² thuộc thửa đất số 999, tờ bản đồ số 01, xã P theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là phù hợp quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 8, khoản 1 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Đến nay, Quyết định này chưa bị hủy bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do Bà Nguyễn Thị T chỉ khởi kiện Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 351/QĐ-XPVPHC ngày 13/7/2018.

Về thẩm quyền ban hành Quyết định hành chính số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định hành chính số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 là đúng thẩm quyền.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018. Do công trình vi phạm chưa được tháo dỡ và bà T không tự giác chấp hành nên ngày 16/11/2018 Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P, huyện B ban hành Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 là phù hợp với quy định tại Điều 86, 87 và 88 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Về nội dung Quyết định hành chính số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018:

Sau khi hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, theo quy định tại Điều 73, Điều 87. Điều 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm

2012, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật. Tại các Biên bản làm việc ngày 15/8/2019, ngày 25/9/2019, ngày 17/12/2019 và ngày 26/12/2019 về việc vận động bà T tự nguyện tháo dỡ công trình vi phạm nhưng bà T vẫn không chấp hành nên ủy ban nhân dân xã P tiến hành thực hiện cưỡng chế được ghi nhận theo Biên bản số 11/BB-THQĐCC ngày 26/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã P về việc thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính, công trình vi phạm đã phá dỡ xong, tài sản chủ nhà tự quản lý.

Đối với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm đã sai lầm trong việc áp dụng pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi của bà T là hành vi vi phạm hành chính trong sử dụng đất đai, cụ thể là chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang đất phi nông nghiệp được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Theo điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định Chủ tịch ủy ban nhân dân xã có quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Tại Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình xây dựng không phép, là không chuẩn xác trong việc sử dụng từ ngữ. Tuy nhiên, việc không chuẩn xác này không làm thay đổi bản chất, mục đích của việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm. Trong trường hợp này, biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm cần được hiểu rằng phải áp dụng tất cả các biện pháp, trong đó, kể cả tháo dỡ tất cả công trình được xây dựng trên đất để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Tại Điều 2 Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018, ghi nhận “địa điểm thực hiện tại một phần thửa 762, tờ bản đồ số 14, xã P”. Đại diện người bị kiện cho biết vị trí vi phạm tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 14 theo tài liệu 2003-2004, xã P, huyện B (tương ứng thuộc thửa 999 tờ bản đồ số 01 theo tài liệu 02), nhưng do sơ sót trong đánh máy nên nhầm lẫn thành thửa 762. Đồng thời, tại phiên tòa phía đại diện người khởi kiện Bà Phan Thị Gia K cũng xác nhận vị trí vi phạm nằm tại thửa đất số 898 (chiết từ thửa 76, 75, 78), tờ bản đồ số 14 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 08505 ngày 29/5/2017 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho Bà Nguyễn Thị T. Thực tế, người bị kiện đã thực hiện xong việc cưỡng chế đối với bà T tại đúng vị trí công trình xây dựng vi phạm; bản thân người khởi kiện thừa nhận đã tự nguyện tháo dỡ một phần công trình xây dựng vi phạm (một phần tường) và không có ý kiến về vị trí đất mà người bị kiện đã cưỡng chế. Do đó, nhận thấy sự nhầm lẫn trong đánh máy này đã không gây ra hậu quả và vị trí đã thực hiện cưỡng chế đúng với thực tế vi phạm nên người bị kiện cần rút kinh nghiệm.

Như vậy, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P ban hành Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp với pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng Ủy ban nhân dân xã P đã không giao Quyết định số 351/QĐ-XPVPHC ngày 13/7/2018 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và giao trễ hạn Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện cung cấp các Biên bản niêm yết ngày 16/7/2018, ngày 19/11/2018 và Biên bản làm việc ngày 17/7/2018 cho thấy bà T đã được tổng đạt các quyết định nêu trên. Người khởi kiện cho rằng việc giao trễ Quyết định số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 là một trong những căn cứ để hủy quyết định là không có cơ sở. Đối với Quyết định số 351/QĐ-XPVPHC ngày 13/7/2018, tại các Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản đối thoại ngày 04/9/2020 và Biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là Bà Phan Thị Gia K đã biết Quyết định số 351/QĐ-XPVPHC ngày 13/7/2018, nhưng tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện đã không có ý kiến và cũng không có yêu cầu khởi kiện đối với quyết định này. Vì thế, tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 351/QĐ-XPVPHC ngày 13/7/2018 là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm nên không có cơ sở xem xét.

Xét việc đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cho rằng Ủy ban nhân dân xã P tổ chức cưỡng chế không đúng quy định và biên bản tổ chức cưỡng chế ngày 26/2/2019 không đủ thành phần theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP. Qua nội dung các Biên bản làm việc ngày 17/12/2019, ngày 26/12/2019 về việc vận động bà T tự nguyện tháo dỡ công trình vi phạm và Biên bản số 11/BB-THQĐCC ngày 26/12/2019 về việc thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính đều có ghi nhận đầy đủ thành phần cưỡng chế, có đại diện người làm chứng. Do bà T cam kết tự nguyện tháo dỡ trước ngày cưỡng chế nhưng vẫn không thực hiện đúng cam kết nên ủy ban nhân dân xã P tiến hành thực hiện cưỡng chế theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác đơn khởi kiện của bà T là có căn cứ, kháng cáo của bà T đề nghị tuyên hủy quyết định hành chính số 512/QĐCC-UBND ngày 16/11/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P, huyện B; yêu cầu Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P, huyện B xin lỗi công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và bồi thường thiệt hại số tiền là 181.368.000 đ (một trăm tám mươi một triệu, ba trăm tám mươi sáu ngàn đồng) và sửa bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của bà T và giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009;

1. Bác kháng cáo của của Bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí (người cao tuổi) nên hoàn trả tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) cho Bà Nguyễn Thị T theo biên lai số AA/2019/0072808 ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) cho Bà Nguyễn Thị T theo biên lai số AA/2019/0072952 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Tòa án nhân dân huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Phụng